

Bản án số: 47/2024/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Bắc
Ông Quản Giang Thao

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị V**, sinh năm 1999
Nơi thường trú: **Thôn G, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**
Nơi ở hiện nay: **TDP Đ, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.**

2. Bị đơn: Anh **Trần Hữu C**, sinh năm 1993
Nơi thường trú: **Thôn G, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**
Tại phiên tòa có mặt chị **V**, vắng mặt anh **C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đỗ Thị V** trình bày: Chị và anh **C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T** vào ngày 10/7/2020. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống có nhiều bất đồng, kể từ tháng 02 năm 2023 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau ai lo bổn phận người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **C**.

Về con chung: Chị và anh **C** có 01 con chung là **Trần Việt A**, sinh ngày 10/01/2021, khi vợ chồng sống ly thân chị đưa con về nhà ngoại ở, nhưng sau đó anh **C** đến đón con về nhà nội và hiện nay con đang ở với anh **C**. Khi ly hôn chị **V** đề nghị Tòa án giao con chung cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2024 anh **Trần Hữu C** trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị **V** kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T**, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó chị **V** bỏ bê con cái, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kể từ tháng 4 năm 2023 chị **V** về nhà bố mẹ đẻ ở **tổ dân phố Đ, phường H** ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị **V** nhưng anh muốn chị **V** phải có trách nhiệm với con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Việt A**, sinh ngày 10/01/2021, hiện nay đang ở với anh, bản thân anh muốn con có cả bố mẹ chăm sóc, nhưng nếu chị **V** nhất quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của anh **C** muốn được nuôi con và không yêu cầu chị **V** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Cả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị **V** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị V**. Về hôn nhân giải quyết cho chị **V** được ly hôn anh **C**; Về con chung: giao con chung là cháu **Trần Việt A**, sinh ngày 10/01/2021 cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **V** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; Về tài sản chung: chị **V** và anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: chị **V** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **V** yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh **C**; anh **C** cư trú tại **xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; chị **V** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Cả đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **C** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị **V** và anh **C**: Quan hệ hôn nhân giữa chị **V** và anh **C** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị **V** và anh **C** sống ly thân thời gian dài, cả hai bên đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn. Anh Cả trình bày tuy anh không còn tình cảm dành cho chị **V** nhưng anh không đồng ý ly hôn; chị **V** cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, việc anh **C** không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị.

Căn cứ vào trình bày của chị **V** và anh **C** có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị **V** và anh **C** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **V** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **V** và anh **C** có 01 con chung là **Trần Việt A**, sinh ngày 10/01/2021. Khi ly hôn anh **C** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị **V** đồng ý khi ly hôn giao con chung cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh **C** không yêu cầu, nhưng chị **V** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con thành niên.

HĐXX xét thấy cháu **Việt A** đang ở ổn định với anh **C**, nên chấp nhận yêu cầu của chị **V** và anh **C** giao con chung cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và để cháu **Việt A** có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cần chấp nhận sự tự nguyện của chị **V** về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị **V** và anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **V** khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị V**:

- Về hôn nhân: Chị **Đỗ Thị V** được ly hôn anh **Trần Hữu C**.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Việt A**, sinh ngày 10/01/2021 cho anh **Trần Hữu C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị **Đỗ Thị V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, thực hiện định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con thành niên.

Chị **V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Đỗ Thị V** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007092 ngày 14/3/2024. Chị **Đỗ Thị V** còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị **V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **C** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Tân Trường, TX Nghi Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn